

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại khu vực phía Nam và phía Bắc đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2611/STNMT-CCBVMT ngày 30/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại khu vực phía Nam và phía Bắc đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước của Công ty TNHH Đầu tư Phú Tài Diêu Trì;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại khu vực phía Nam và phía Bắc đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 99/PTDT ngày 12/8/2024 của Công ty TNHH Đầu tư Phú Tài Diêu Trì;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 993/TTr-STNMT ngày 16/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại khu vực phía Nam và phía Bắc đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư Phú Tài Diêu Trì (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND thị trấn Diêu Trì;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU NHÀ Ở KẾT HỢP CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC
PHÍA NAM VÀ PHÍA BẮC ĐƯỜNG TĂNG BẠT HỒ,
THỊ TRẤN ĐIỀU TRÌ, HUYỆN TUY PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu nhà ở kết hợp chính trang đô thị tại khu vực phía Nam và phía Bắc đường Tăng Bạt Hồ, thị trấn Điều Trì, huyện Tuy Phước.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Điều Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Phú Tài Điều Trì.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 3, tòa nhà Phú Tài, số 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Tổng diện tích: 127.834,4 m².
- Quy mô: 421 lô đất ở, khoảng 1.684 người.
- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở đô thị	48.846,4	38,21
1.1	Đất ở liền kề (397 lô)	43.817,5	
1.2	Đất ở biệt thự (24 lô)	5.028,9	
2	Đất công cộng phục vụ dân cư	1.744,0	1,36
	Trường mẫu giáo kết hợp với nhà sinh hoạt khu phố	1.744,0	
3	Đất thương mại, dịch vụ	4.073,0	3,19
4	Đất cây xanh, công viên	13.099,3	10,25
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.592,1	2,03
6	Đất giao thông và taluy	57.479,6	44,96
Tổng diện tích quy hoạch		127.834,4	100,00

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền (127.834,4 m²), bố trí 421

lô đất ở với diện tích 48.846,4 m², 01 khu đất công cộng phục vụ dân cư có diện tích khoảng 1.744,0 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và PCCC, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, hệ thống hồ ga và ống luồn cáp thông tin liên lạc.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm ở góc phía Đông Bắc của dự án đặt ngầm để xử lý nước thải, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 13.099,3 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 96.308,5 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của hạng mục có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Công trình

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần

chủ yếu là chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 196,74 m³/ngày (100% nhu cầu sử dụng nước cấp). Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư.

3.2. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 4.125,42 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục dự án phát sinh với khối lượng khoảng 38,34 - 63,92 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 15.984,64 m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 34,24 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1.153,42 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 20 kg trong suốt thời gian thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải,...

b) Giai đoạn hoạt động: Hoạt động sinh hoạt của người dân, hộ kinh doanh,... tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 120 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. *Tiếng ồn, độ rung*

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp

mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt. Hướng thoát nước từ từ phía Nam lên phía Bắc và được chia làm 02 lưu vực thoát nước chính. Mỗi lưu vực thoát ra các điểm xả ở phía Bắc, cụ thể:

+ Lưu vực 1: Phía Nam đường Tăng Bạt Hổ, diện tích thu nước trong ranh giới dự án khoảng dự án khoảng 77.934,6 m² kết hợp với chõ đầu nổi thu nước cho khu dân cư còn lại bên ngoài dự án khoảng 40.000 m². Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống BTCT đường kính D600-D1000 với chiều dài khoảng 2.416 m sau đó nhập vào tuyến cống D1500 dọc theo đường ĐS5 và thoát ra mương bê tông phía Bắc dự án.

+ Lưu vực 2: Phía Bắc đường Tăng Bạt Hổ, diện tích thu nước trong ranh giới dự án khoảng 49.899,8 m². Nước mưa được thu gom bằng tuyến cống BTCT đường kính D600-D1000 với chiều dài khoảng 1.000 m sau đó nhập vào tuyến cống D1500 dọc theo đường ĐS5 thoát ra mương bê tông phía Bắc và chảy ra cống hộp BxH = (2x3)m hiện trạng trên tuyến đường sắt ở phía Bắc dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: Nước thải sinh hoạt thiết kế đi riêng với hệ thống thoát nước mưa; bố trí khu XLNT có diện tích khoảng 560m² đặt tại góc Đông Bắc dự án. Bố trí 04 bồn Composite đặt ngầm với tổng công suất xử lý 200 m³/ngày.đêm (công suất 50 m³/ngày.đêm/bồn). Chủ dự án có trách nhiệm tính toán, thực hiện lắp đặt theo tiến độ lấp đầy và lượng nước thải phát sinh, nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14/2008/BTNMT, K = 1, sau đó dẫn ra sông Trường Úc tại phía Đông Bắc của dự án, tọa độ điểm xả: X: 1.527.597; Y: 597.759 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15'). Sơ đồ công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể thu gom → Hồ ga lược rác → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga lấy mẫu → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008/cột B, K = 1).

+ Về lâu dài: khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo quy hoạch chung của trạm xử lý nước thải của thị trấn Điều Trì được xây dựng hoàn thiện: nước thải sau HTXL được dẫn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch, đảm bảo tính kết nối đồng bộ về hạ tầng theo Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu vực phía Tây Bắc thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu vực dự án.

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được vận chuyển san lấp tại vị trí cây xanh

của Dự án không vận chuyển đồ thải ra bên ngoài phạm vi công trình.

- Xà bần từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu được tận dụng san lấp các khu vực trũng thấp trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Người dân tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định và có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, 69, 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thi công các hệ thống mương thoát nước tại các vị trí tiếp giáp khu dân cư hiện trạng trước khi tiến hành san nền; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

- Trước khi chờ phương án thoát nước và mương hoàn trả tại dự án được triển khai hoàn thiện, chủ đầu tư sẽ xây dựng trước tuyến mương phía Nam của dự án nhằm giải quyết vấn đề cung cấp nước tưới nông nghiệp và tiêu nước cho diện tích đồng ruộng còn lại tại phía Nam của dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát (02 điểm):

+ Phía Nam tiếp giáp khu dân cư hiện trạng, tọa độ: X: 1.527.283; Y: 597.565 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh độ $108^015'$).

+ Tại vị trí nút giao tuyến đường Tăng Bạt Hổ và đường bê tông phía Tây Bắc dự án, tọa độ: X: 1.527.439; Y: 597.295 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh độ $108^015'$).

- Các chỉ tiêu giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.